CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NHIỄM BẨN KHÔNG KHÍ KHÍ QUYỂN Ở NƯỚC TA HÌNH THÀNH VÀ PHÁ TRIỂN

KS. NGUYỄN VĂN TIẾN
Trung tâm Môi trường

1. Nhiễm bẩn khí quyển đã trở thành mối quan tâm của nhiều ngành, nhiều cấp tổ chức và toàn nhân loại

Vấn đề nhiễm bẩn môi trường nói chung và nhiễm bẩn không khí khí quyển nói riêng (NBKKQ) đã và đang được các sách báo và các phương tiện thông tin đại chúng trên thế giới đề cập thường xuyên như là một trong những vấn đề nóng bỏng nhất của thời đại [1]. Về tầm quan trọng của nó người ta thường so sánh: cho đến hiện nay với thức ăn, thực phẩm, nước uống người ta có thể kiểm tra vệ sinh thường xuyên trước khi đem dùng còn với không khí khí quyển người ta phải thở như bản thân nó hiện có. Những vụ nổ thử nghiệm vũ khí hạt nhân trong khí quyển, sự cố lò phản ứng của các nhà máy điện nguyên tử, sự nổ vỡ các đường ống dẫn khí, các thiết bị lọc trong các tổ hợp nhà máy hóa chất lớn xảy ra ở một số nước trên thế giới đã gây ra những thảm họa thực sự: nhiều người bị ngộ độc, bị chết hay nhiễm các bệnh rất đặc thù do sống trong bầu không khí bị nhiễm bẩn bởi bụi, SO_2, NO_2, CO_2 C_xH_y, các đồng vị phóng xạ có thời gian sống ngắn và sống lâu v.v... chưa kể đến các chất độc hóa học dùng trong quân sự: chất độc màu da cam, đạn và vũ khí hóa học một và hai thành phần do Mỹ và khối NATO sản xuất và tàng trữ. Những vũ khí hóa học khi nổ trong không khí sẽ sinh ra những khí độc tác động mạnh đến con người gây nhiễm độc da, hệ hô hấp và hệ thần kinh làm con người mất khả năng hành động.

Ở Việt Nam, không có những thảm họa do NBKKKQ trên quy mô lớn lan truyền xa như ở các nước công nghiệp phát triển; song NBKKKQ quy mô vùng đã xảy ra như sự cố nổ thiết bị lọc bụi tĩnh điện của Nhà máy ximăng Hoàng Thạch, năm 1986 gây NBKKKQ do bụi cho 9 vạn dân của 2 huyện Kim Môn (Hải Hưng) và Đông Triều (Quảng Ninh), sau hơn 2 năm Liên hiệp lắp máy 69–3 mới khắc phục được [2]. Ở quy mô địa phương NBKKKQ đã trở thành hiện tượng phổ biến. Thành phố Hà Nội năm 1987 đã khắc phục ảnh hưởng do bụi thải từ ống khói phân xưởng nhuộm Nhà máy dệt 8/3 cho dân cư vùng xung quanh (lọc khí thải bằng xiclon ướt). Trong năm vừa qua riêng ở Hà Nội hơn 3000 dân các tổ 44-45-46 và 48 Phường Nguyễn Trãi bị ô nhiễm do Trường trung cao không quân (Bộ tư lệnh không quân) và Trường quân nhạc (Quân khu Thủ đô) xây 2 lò điện phân thuốc pháo sản xuất với quy mô lớn. Việc sản xuất thuốc pháo đã hủy diệt cây xanh, ảnh hưởng tới sức khỏe của nhân

dân. Việc đốt và nấu cao su phế thải của một số cơ sở sản xuất trong khu tập thể Thanh Xuân làm NBKKKQ, nhà 6B Tràng Thi sản xuất nhựa gây ô nhiễm và hại sức khỏe, nhà 53 Bát Sứ sản xuất hương mùi hương nấu bằng hóa chất rất hắc bay sang các nhà lân cận [3]. Hợp tác xã hóa chất Cửu Long sản xuất hóa chất có sử dụng lò nấu lưu huỳnh với axit trong các chảo lớn làm nhân dân trong ngõ Cửu Long, Phường Khương Thượng bị ô nhiễm là một hiện tượng điển hình. Việc tàng trữ và buôn bán chất phóng xạ Uranium gây nguy hiểm cho tính mạng con người đã xảy ra cuối 1988 ở Hà Nội [4].

Về phương diện khoa học kỹ thuật của vấn đề này đã có nhiều tạp chí chuyên ngành NBKKKQ nghiên cứu, trên thế giới người ta nói rất nhiều về hiện tượng « mưa axít », sự thay đổi khí hậu do « hiệu ứng nhà kính » vì nồng độ CO_2 trong khí quyển ngày càng tăng do phát triển công nghiệp và giao thông vận tải . Phát triển đô thị hóa đã dần hình thành những khái niệm mới về môi trường như nhiễm bẩn không khí trong và ngoài nhà ở, sinh thái đô thị, y học môi trường, khí tượng thủy văn đô thị v.v.

Nhiều tổ chức quốc tế đã đề ra các chương trình và dự án nghiên cứu chuyên sâu về NBKKKQ trên nhiều phương diện khác nhau, điển hình là UNEP của Liên hợp quốc, MAB của UNESCO, BAPMoN của Tổ chức khí tượng thế giới (WMO), MA3A của các nước khối SEV.

Ngoài ra còn có các tổ chức khác như WHO, IAEA, ESCAP. Đảm nhận thông tin môi trường quốc là INFOTRA.

Về phương diện quản lý nhiều nước đã có luật bảo vệ thiên nhiên, luật bảo vệ tài nguyên và môi trường hay cụ thể hơn là luật bảo vệ không khí, luật bảo vệ nước v.v. Có các tổ chức khác nhau để thi hành luật như Ủy ban môi trường của Quốc hội, Ủy ban bảo vệ môi trường của HĐBT, các Ủy ban thanh tra nhà nước về các thiết bị lọc bụi và làm sạch khí thải. Phòng thanh tra ôtô quốc gia được giao cho lực lượng cảnh sát trang bị các máy đo khí thải ôtô chuyên dùng của Mỹ, Liên Xô, CHDC Đức, Nhật Bản ... sản xuất.

Từ khi có nghị quyết 246 ngày 20-IX-1985 của HĐBT; trong nước ta cũng đồng thời xuất hiện nhiều tổ chức khoa học: Viện vệ sinh dịch tễ, Viện Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Trung tâm Y học hạt nhân và an toàn phóng xạ của Bộ Y tế, Viện KHKT bảo hộ lao động của Tổng liên đoàn lao động, Viện nghiên cứu khoa học lao động của Bộ lao động và THXH. Các Ban vệ sinh phòng dịch của các thành phố và các tỉnh; trạm vệ sinh phòng dịch của Tổng cục Đường sắt, Viện vệ sinh công nghiệp Tổng cục hóa chất, Viện hóa học quân sự, Viện năng lượng nguyên tử quốc gia. Đó là những cơ quan có truyền thống lâu đời về đo đạc các yếu tố gây NBKKKQ.

Xuất hiện các tổ chức mới: Trung tâm tài nguyên và môi trường của ĐHTH Hà Nội, Ngành thông gió cấp thoát nước và môi trường của trường ĐHXD Hà Nội, Ủy ban môi trường thành phố Hà Nội, Trung tâm quản lý và kiểm soát môi trường không khí và nước (TTQLKSMTKK và nước) của Tổng cục Khí tượng Thủy văn. Việc Trung tâm Môi trường trưởng thành từ Phòng điều tra nhiễm bẩn nước và không khí của Cục KTĐTCB sau khi có quyết định 402/V10 của HĐBT và quyết định 116/QĐ ngày 29-IV-1987 của Tổng cục KTTV việc kiểm soát NBKKKQ trở thành có ý nghĩa quốc gia và quốc tế.

2. Từ đòi hỏi của cuộc sống xác định cách làm và hướng đi

Ra đời muộn hơn các cơ quan môi trường khác có nghiên cứu nhiễm bẩn không khí từ trước, Trung tâm Môi trường của Tổng cục KTTV không khỏi bỡ ngỡ, lúng túng trong việc cụ thể hóa chức năng nhiệm vụ của HĐBT giao cho để xác định cách làm và hướng đi. Sau 2 năm thành lập, công tác kiểm soát NBKKKQ mới thoát ra khỏi tình trạng mơ hồ trong nhận thức và đã trả lời được câu hỏi day dứt của 10 năm trước: làm gì?; ở đâu?; điều kiện kỹ thuật–tài chính – nhân lực của ta hiện nay cho phép làm được đến mức độ nào?; cần xác lập mối quan hệ chặt chẽ trong công tác của mình với các cơ quan nào ở trong và ngoài nước?

Nắm chắc đối tượng kiểm soát và quản lý của mình là KKKQ và nước thiên nhiên, đặc thù NBMT của nước chậm phát triển, các yếu tố KTTV của chế độ khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh có ảnh hưởng tới NBKKKQ, các cán bộ khoa học của toàn Trung tâm dốc sức cùng nhau vạch kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận chuyên môn của mình trong điều kiện máy móc, phương tiện lấy mẫu còn rất thiếu hay chưa có, sự giúp đỡ của Phòng thí nghiệm còn rất yếu và thiếu thốn.

Có thể nói rằng công tác kiểm soát NBKKKQ ở nước ta chưa được thể chế hóa bằng pháp luật, chưa biên soạn được các quy trình quy phạm về từng khía cạnh chuyên môn:

– Điều tra nguồn thải gây NBKK và nước;

– Khảo sát NBKKKQ: định kỳ, chuyên đề, khảo sát đặc biệt,

– Quy phạm lấy mẫu và đo bụi, nồng độ SO_2, CO, CO_2, NO_x, C_xH_y vv..

– Quy phạm phân tích các yếu tố NBKKKQ trong phòng thí nghiệm.

Mặt khác, con đường thu thập số liệu định kỳ hàng năm qua Tổng cục thống kê với các bộ và ngành khác (các trạm vệ sinh phòng dịch của Bộ Y tế chẳng hạn) có liên quan tới công việc chuyên môn của Trung tâm chưa được thể chế hóa bằng pháp lệnh hay thông tư liên bộ. Khi chưa có số liệu điều tra cơ bản thì chưa thể ra các thông báo định kỳ về hiện trạng môi trường từ quy mô nhỏ đến quy mô vùng hay trên toàn quốc được.

Ngay cả khi có các số liệu thống kê tính toán hay đo đạc và khảo sát vấn đề thống nhất phương pháp tính toán cần sớm được nghiên cứu để chỉnh lý tài liệu, các số liệu mới có khả năng so sánh được với nhau theo không gian và thời gian.

Theo [5] có thể thay hệ thống số liệu kiểm soát NBKKKQ gồm 3 mảng chính sau:

a) Mảng số liệu mạng lưới trạm, điểm, tuyến đo và khảo sát NBKKKQ.

b) Mảng số liệu điều tra tính toán và dự tính thải của nguồn tính toán thống kê hoặc tức thời.

c) Mảng số liệu khí tượng bề mặt và cao không.

Nhóm số liệu về nguồn thải cần được ưu tiên làm trước vì từ trước kia ngành KTTV không thu thập được những số liệu này. Như [5] đã nhấn mạnh mọi nghiên cứu đánh giá về mức độ NBKKKQ phải được gắn chặt với các nhân tố tác động đến nó (tức là nguồn gây nhiễm bẩn và các yếu tố khí tượng và cao không) số liệu nguồn thải được thu thập thường xuyên liên tục, đồng bộ với 2 nhóm số liệu còn lại.

3. Để công tác kiểm soát NBKKKQ ổn định và phát triển

Kinh nghiệm hoạt động 11 năm (1977 – 1988) cho chúng ta nhiều bài học quý về tổ chức tìm ra những mô hình và cơ chế thích hợp trong điều kiện kinh tế còn nghèo nàn và kỹ thuật lạc hậu của nước ta hiện nay.

Đứng ở góc độ người làm công tác chuyên môn, chúng tôi nhận thấy cần kiến nghị với cơ quan cấp trên tập trung giải quyết một vấn đề cấp thiết của công tác kiểm soát NBKKKQ là thiếu vốn và kỹ thuật. Chúng ta chưa có hoặc thiếu hẳn các máy móc để lấy và phân tích mẫu bụi, các khí độc hại v.v, các vật tư đặc biệt và hóa chất nhập khẩu như: giấy lọc, cân điện tử, tủ sấy v.v..

Khi vấn đề máy móc - vật tư – hóa chất – chế độ được giải quyết tốt, hy vọng rằng với năng lực và trình độ của các cán bộ khoa học và công nhân viên chức toàn Trung tâm, công tác kiểm soát NBKKKQ sẽ phát triển, đảm đương được chức năng quốc gia và quốc tế mà HĐBT đã giao cho.

TAI LIỆU THAM KHẢO

1. Hướng dẫn kiểm soát NBKKKQ. Nhà xuất bản KTTV, Lêningrat, 1979.

2. Khôi phục thành công bộ lọc tĩnh điện Nhà máy ximăng Hoàng Thạch. Báo QĐND 21-I-1989.

3. Sản xuất phải tính đến hậu quả môi trường. Báo HNM, 26-II-89

4. Sự thật về buôn bán chất phóng xạ, bọn tội phạm bị nhiễm xạ nặng. Báo Tiền phong chủ nhật số 2, 12-II-1989.

5. Nguyễn Văn Tiến. Điều tra và tính toán số liệu nguồn thải, vai trò của nó trong kiểm soát NBMT. Tập san KTTV số 3/1988.

6. Nguyễn Văn Tiến. Điều tra, tính toán và dự tính lượng thải các chất độc hại của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại. Tập san KTTV số 6/1988.